

Main Library

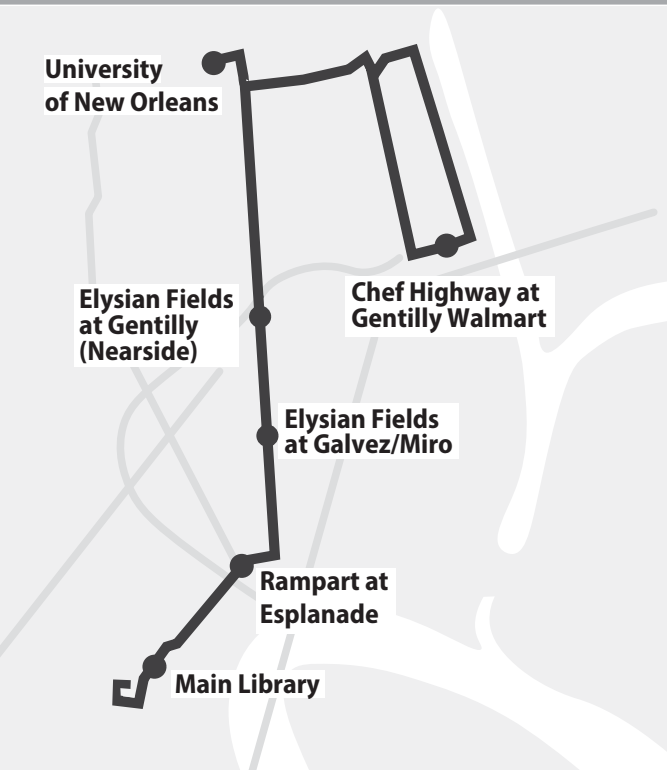
Elysian Fields at Galvez/Miro

Elysian Fields at Gentilly (Nearside)

UNO

Chef Highway at Gentilly Walmart

Winter 2026



RTA Customer Service

Servicio al Cliente de la RTA / Ban Dịch Vụ Khách Hàng RTA

Rideline at 504-248-3900 or
norta.com/Customer-Service

Daily Hours: 5:00 am to 8:00 pm
TTY/ Hearing Impaired: 504-827-7832

RTA Main Office – Pass Sales

*Oficina principal de RTA - Venta de pases / Văn Phòng Chính
Của RTA – Bán Thẻ*

2817 Canal St, New Orleans
Monday-Friday, 8:30 am to 4:30 pm.
504-248-3900

Nearest Canal Streetcar Stop: White Street
Nearest Bus Stop: Line 9 - Broad/Napoleon at Canal St.

Purchase RTA Jazzy passes or register for a reduced fare
card.

Compre Jazzy pases de la RTA o regístrese para obtener
una tarjeta de tarifa reducida.

Mua thẻ RTA Jazzy hoặc đăng ký để nhận thẻ vé đã được
giảm giá.

RTA's Lost & Found

*Objetos perdidos y encontrados de RTA / Lưu Trữ Đồ Vật Thất
Lạc Của RTA*

2817 Canal St, New Orleans

Monday-Friday, 8:30 am to 4:30 pm.
504-827-8399

norta.com
Rideline: 504-248-3900



RTA Website

Le Pass Mobile App

La aplicación móvil Le Pass/ Ứng Dụng Di Động Le Pass

Le Pass, RTA's new mobile ticketing application, is available
in the Google Play and Apple App stores. Riders can
purchase all fare types, plan their trips, and see real-time
arrival information within the app.

Le Pass, la nueva aplicación móvil de emisión de boletos
de la RTA, está disponible en las tiendas Google Play y
Apple App. Los pasajeros pueden comprar todos los tipos
de tarifas, planificar sus viajes y ver información de llegada
en tiempo real dentro de la aplicación.

Le Pass, ứng dụng đặt vé trên di động mới của RTA, có sẵn
trong các cửa hàng Google Play và Apple App. Người đi có
thể mua tất cả các loại giá vé, lên kế hoạch cho chuyến đi
của họ và xem thông tin đến bến theo thời gian thực trong
ứng dụng.

Accessibility

Accesibilidad / Khả Năng Truy Cập

All RTA bus and streetcar lines are now ADA-accessible.
Visit norta.com/accessibility for more information.
Timetables are available in alternative formats at
norta.com. If you need assistance, contact Rideline at
504-248-3900 (voice) or TTY: 504-827-7832.

Todas las líneas de tranvías y autobuses de la RTA ahora
son accesibles según los criterios de la ADA para personas
con discapacidades. Visite norta.com/accessibility para
obtener más información. Los horarios están disponibles
en formatos alternativos en norta.com. Si necesita ayuda,
comuníquese con Rideline, llamando al 504-248-3900
(voz) o para TTY al 504-827-7832 para los pasajeros con
discapacidad auditiva.

Tất cả các tuyến xe buýt và xe điện của RTA hiện đều có
thể được truy cập bằng ADA. Hãy truy cập [norta.com/](http://norta.com/accessibility)
[accessibility](http://norta.com/accessibility) để biết thêm thông tin. Bảng giờ luôn có sẵn
ở nhiều định dạng thay thế tại địa chỉ norta.com. Nếu bạn
cần hỗ trợ, hãy liên hệ với Rideline theo số 504-248-3900
(gọi thoại) hoặc TTY/ Dành Cho Người Khiếm Thính theo
số 504-827-7832.

How to Pay

Cómo pagar / Cách Thức Thanh Toán

Always pay your fare when you board. Pay with your Jazzy
Pass, exact change (drivers do not carry cash), token or the
Le Pass app. Show your activated Le Pass app ticket to the
driver. RTA passes are valid for use on all buses, streetcars
and ferries. See “How to Pay” on RTA's website for more
information, norta.com.

Siempre pague su tarifa al abordar. Pague con su Jazzy Pass,
cambio exacto (los conductores no llevan efectivo), token o
mediante la aplicación Le Pass. Muestre su boleto activado
en la aplicación Le Pass al conductor. Los pases de la RTA
son válidos para su uso en todos los autobuses, tranvías y
transbordadores. Consulte “Cómo pagar” en el sitio web de
la RTA para obtener más información, norta.com.

Luôn thanh toán giá vé khi bạn lên xe. Thanh toán bằng
Thẻ Jazzy của bạn, đúng số tiền (tài xế không mang theo
tiền mặt), token hoặc ứng dụng Le Pass. Hãy xuất trình vé
trên ứng dụng Le Pass đã được kích hoạt của bạn cho tài
xế. Các thẻ RTA sẽ có hiệu lực sử dụng trên tất cả xe buýt,
xe điện mặt đất và phà. Hãy xem phần “Cách Thức Thanh
Toán” trên trang web của RTA để biết thêm thông tin, địa
chỉ: norta.com.

Online Trip Planning

*Planificación de viajes en línea / Lên Kế Hoạch Cho Chuyến
Đi Trực Tuyến*

Use our trip planner to plan trips throughout the Metro
New Orleans area. Trip Planner provides details on transit
stops, routes, and schedules. Trip Planner provides service
alerts for service disruptions, bus and streetcar arrival
times, and offers alternate travel options, which includes
fastest option feature.

Utilice nuestro planificador de viajes para planificar viajes
por toda el área metropolitana de Nueva Orleans. Trip
Planner brinda detalles sobre paradas, rutas y horarios de
tránsito. Trip Planner proporciona alertas de servicio para
las interrupciones del servicio, los horarios de llegada de
autobuses y tranvías, y ofrece opciones de viaje alternativas,
incluso la característica de mostrar la opción más rápida.

Hãy sử dụngtrình lên kế hoạch chuyến đi của chúng tôi
để lên kế hoạch cho các chuyến đi khắp khu vực Metro
New Orleans. Trình Lên Kế Hoạch cung cấp chi tiết về các
điểm dừng chuyển tuyến, các tuyến đường cũng như lịch
trình. Trình Lên Kế Hoạch cung cấp các cảnh báo dịch vụ
về trường hợp gián đoạn dịch vụ, thời gian đến bến của xe
buýt và xe điện mặt đất, đồng thời cung cấp các tùy chọn di
chuyển thay thế, bao gồm tính năng tùy chọn nhanh nhất.

What to Pay

Quê pagar /Giá Vé

Fare Type	Bus, Streetcar & Ferry	Bus & Streetcar
1-Day Jazzy Pass	\$3.00	
1-Day Priority Pass	\$0.80	
1-Day Youth Pass	\$1.00	
3-Day Jazzy Pass	\$8.00	
7-Day Jazzy Pass	\$15.00	
31-Day Jazzy Pass	\$45.00	
31-Day Priority Pass	\$14.00	
31-Day Youth Pass	\$18.00	
Single-Ride*		\$1.25
Single-Ride Priority*		\$0.40
Single-Ride Youth*		\$0.50
Regional Ride		\$6.00
Children 5 and younger	FREE	FREE

*Single ride fares include two hour transfer

Tipo de tarifa	Autobús, Tranvía y Transbordador	Autobús y Tranvía
Jazzy Pass de 1 día	\$3.00	
Pase Priority de 1 día	\$0.80	
Pase de 1 día para jóvenes	\$1.00	
Pase de 3 días	\$8.00	
Pase de 7 días	\$15.00	
Jazzy Pass de 31 días	\$45.00	
Pase Priority de 31 día	\$14.00	
Pase de 31 días para jóvenes	\$18.00	
Viaje de una vía*		\$1.25
Viaje de una vía Priority*		\$0.40
Viaje de una vía para jóvenes*		\$0.50
Viaje Regional		\$6.00
Niños de 5 años o menores	GRATIS	GRATIS

*Las tarifas de viajes de una vía incluyen dos horas de transferencia.

Loại Vé	Xe Buýt, Tàu Điện & Tàu Phà	Xe Buýt & Tàu Điện
Vé Jazzy 1 Ngày	\$3.00	
Vé Ưu Tiên 1 Ngày	\$0.80	
Vé Thanh Niên 1 Ngày	\$1.00	
Vé 3 Ngày	\$8.00	
Vé 7 Ngày	\$15.00	
Vé Jazzy 31 Ngày	\$45.00	
Vé Ưu Tiên 31 Ngày	\$14.00	
Vé Thanh Niên 31 Ngày	\$18.00	
Xe Đi Một Lần*		\$1.25
Xe Ưu Tiên Đi Một Lần*		\$0.40
Xe Thanh Niên Đi Một Lần*		\$0.50
Xe Khu Vực		\$6.00
Trẻ Em 5 tuổi trở xuống	MIỄN PHÍ	MIỄN PHÍ

*Giá vé một chuyến bao gồm hai tiếng di chuyển

Text your bus stop ID number to 41411 to get real-
time bus arrival times on your mobile device.

Transit Alerts get service alerts and rider news by email
or text. **Register at norta.com or text RTA Updates
to 41411.**

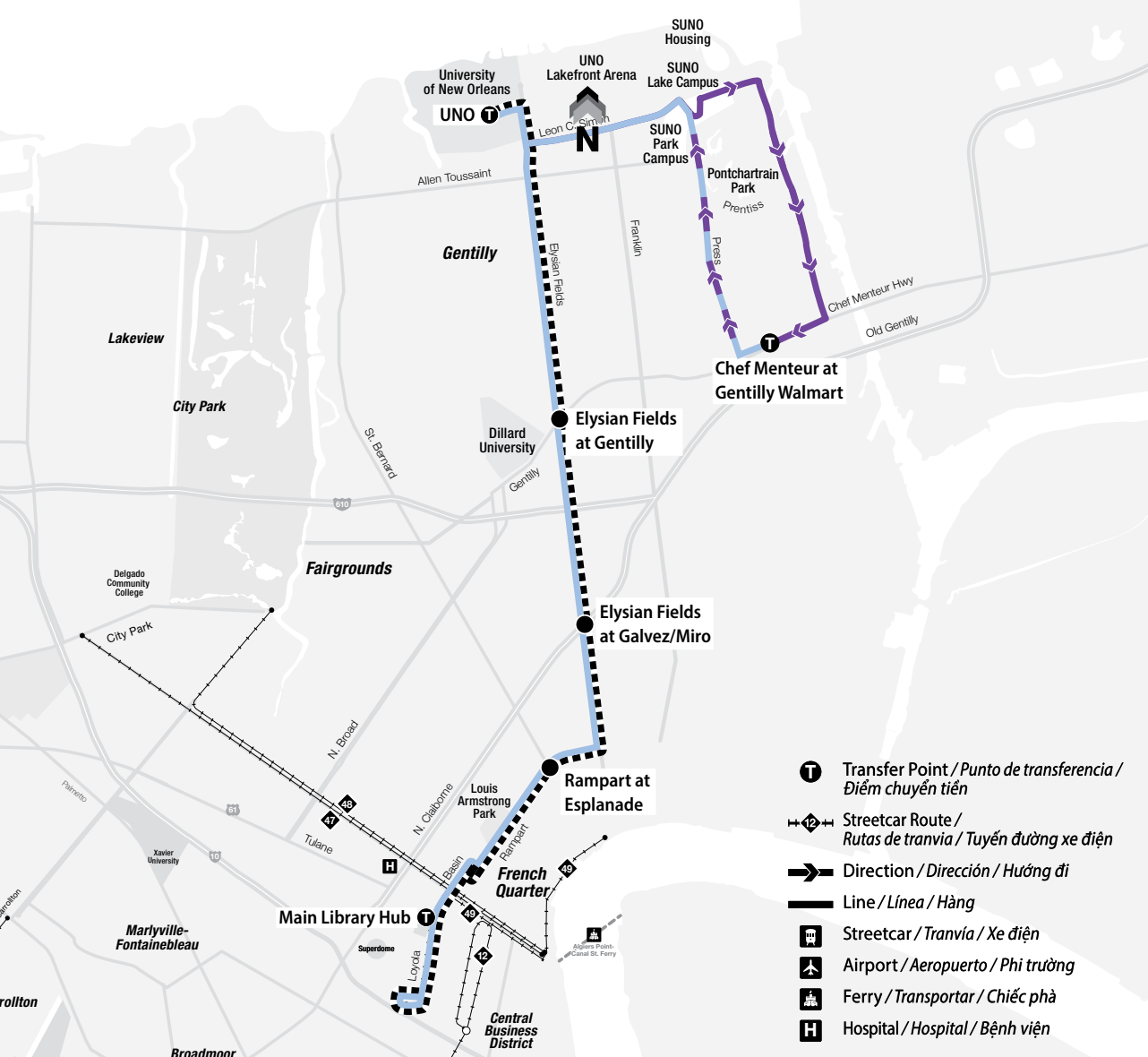
**Envíe un mensaje de texto con el número
de identificación de su parada de autobús al
41411**para obtener horas de llegada de autobuses en
tiempo real en su dispositivo móvil.

Alertas de tránsito reciba alertas de servicio y noticias
para pasajeros por correo electrónico o mensaje de texto.
**Regístrese en norta.com o envíe el mensaje de
texto RTAUpdates a 41411.**

Nhắn số ID điểm dừng xe buýt đến 41411 để biết
thời gian đến bến của xe buýt theo thời gian thực trên
thiết bị di động của bạn.

Transit Alerts nhận thông báo dịch vụ và tin tức về
người lái qua email hoặc tin nhắn.

Cảnh Báo Chuyển Tuyến nhận cảnh báo dịch vụ và tin tức
từ người đi qua email hoặc tin nhắn văn bản.**Đăng ký tại
norta.com hoặc nhắn RTAUpdates đến 41411.**



Holidays – Reduced Service Schedule

Información sobre los días festivos: horario de servicio reducido / Thông Tin Ngày Lễ – Giảm Lịch Trình Dịch Vụ

Weekend Level of Service	New Year’s Day, Martin Luther King, Mardi Gras, Good Friday, Memorial Day, Juneteenth, Independence Day, Labor Day, Thanksgiving Day, Day after Thanksgiving, Christmas Day and New Year’s Eve
Servicio de fin de semana	Año Nuevo, Día de Martin Luther King, Mardi Gras, Viernes Santo, Día de los Caídos, Juneteenth (Día de la Emancipación), Día de la Independencia, Día del Trabajo, Acción de Gracias, el Día Después de Acción de Gracias, Navidad y Nochevieja
Áp Dạng Mức Dịch Vụ Cuối Tuần	Ngày Đầu Năm Mới, Ngày Martin Luther King, Ngày Mardi Gras, Thứ Sáu Tuần Thánh, Ngày Lễ Chiến Sĩ Trận Vong, Ngày 19 Tháng 6, Ngày Độc Lập, Ngày Lao Động, Ngày Lễ Tạ Ôn, Ngày Thứ Sáu Đen Tối, Ngày Giáng Sinh Và Đêm Giao Thừa

WEEKDAYSDías de semana / Các ngày trong tuần

Gentilly to Main Library					
Chef Menteur at Gentilly	University of New Orleans	Elysian Fields at Gentilly	Elysian Fields at Galvez	Rampart at Esplanade	Main Library Hub
—	4:41	4:49	4:54	4:59	5:05
5:10	5:21	5:29	5:34	5:39	5:45
5:40	5:51	5:59	6:04	6:09	6:15
6:08	6:22	6:33	6:40	6:47	6:53
6:41	6:55	7:06	7:13	7:20	7:26
7:04	7:18	7:29	7:36	7:43	7:49
7:32	7:46	7:57	8:04	8:11	8:17
8:00	8:14	8:25	8:32	8:39	8:45
8:28	8:42	8:53	9:00	9:07	9:13
8:56	9:10	9:21	9:28	9:35	9:41
9:24	9:38	9:48	9:54	10:00	10:07
9:52	10:06	10:16	10:22	10:28	10:35
10:22	10:36	10:46	10:52	10:58	11:05
10:54	11:08	11:18	11:24	11:30	11:37
11:24	11:38	11:48	11:54	12:00	12:07
11:54	12:08	12:18	12:24	12:30	12:37
12:24	12:38	12:48	12:54	1:00	1:07
12:54	1:08	1:18	1:24	1:30	1:37
1:24	1:38	1:48	1:54	2:00	2:07
1:54	2:08	2:18	2:24	2:30	2:37
2:24	2:38	2:48	2:54	3:00	3:07
2:54	3:08	3:18	3:24	3:30	3:37
3:24	3:39	3:49	3:55	4:01	4:08
3:54	4:09	4:19	4:25	4:31	4:38
4:24	4:39	4:49	4:55	5:01	5:08
4:54	5:09	5:19	5:25	5:31	5:38
5:24	5:39	5:49	5:55	6:01	6:08
5:54	6:09	6:19	6:25	6:31	6:38
6:25	6:37	6:46	6:51	6:56	7:02
6:50	7:02	7:11	7:16	7:21	7:27
7:18	7:30	7:39	7:44	7:49	7:55
7:46	7:58	8:07	8:12	8:17	8:23
8:14	8:26	8:35	8:40	8:45	8:51
8:42	8:54	9:03	9:08	9:13	9:19
9:10	9:21	9:29	9:34	9:39	9:45
9:50	10:01	10:09	10:14	10:19	10:25
—	10:31	10:39	10:44	10:49	10:55
—	11:31	11:39	11:44	11:49	11:55
—	12:31	12:39	12:44	12:49	12:55
—	1:31	1:39	1:44	1:49	1:55
—	2:31	2:39	2:44	2:49	2:55
—	3:31	3:39	3:44	3:49	3:55

Main Library to Gentilly					
Main Library Hub	Rampart at Esplanade	Elysian Fields at N. Miro	Elysian Fields at Gentilly	University of New Orleans	Chef Menteur at Gentilly
4:00	4:09	4:15	4:22	4:31	—
5:15	5:24	5:30	5:38	5:48	6:01
5:48	5:57	6:03	6:11	6:21	6:34
6:22	6:33	6:40	6:48	6:58	7:13
6:58	7:09	7:16	7:24	7:34	7:49
7:32	7:43	7:50	7:58	8:08	8:23
7:54	8:05	8:12	8:20	8:30	8:45
8:22	8:33	8:40	8:48	8:58	9:13
8:50	9:01	9:08	9:16	9:26	9:41
9:18	9:30	9:38	9:46	9:56	10:11
9:44	9:56	10:04	10:12	10:22	10:37
10:12	10:24	10:32	10:40	10:50	11:05
10:40	10:52	11:00	11:08	11:18	11:33
11:10	11:22	11:30	11:38	11:48	12:03
11:42	11:54	12:02	12:10	12:20	12:35
12:12	12:24	12:32	12:40	12:50	1:05
12:42	12:54	1:02	1:10	1:20	1:35
1:12	1:24	1:32	1:40	1:50	2:05
1:42	1:54	2:02	2:10	2:20	2:35
2:12	2:24	2:32	2:40	2:50	3:05
2:42	2:54	3:03	3:11	3:22	3:39
3:12	3:24	3:33	3:41	3:52	4:09
3:42	3:54	4:03	4:11	4:22	4:39
4:13	4:25	4:34	4:42	4:53	5:10
4:43	4:55	5:04	5:12	5:23	5:40
5:13	5:25	5:34	5:42	5:53	6:10
5:43	5:55	6:04	6:12	6:23	6:40
6:12	6:24	6:31	6:39	6:49	7:03
6:40	6:52	6:59	7:07	7:17	7:31
7:07	7:19	7:26	7:34	7:44	7:58
7:32	7:44	7:51	7:59	8:09	8:23
8:10	8:22	8:29	8:37	8:47	9:01
8:57	9:09	9:16	9:24	9:34	9:48
9:22	9:33	9:40	9:47	9:57	10:10
10:00	10:09	10:15	10:22	10:31	—
11:00	11:09	11:15	11:22	11:31	—
12:00	12:09	12:15	12:22	12:31	—
1:00	1:09	1:15	1:22	1:31	—
2:00	2:09	2:15	2:22	2:31	—
3:00	3:09	3:15	3:22	3:31	—

WEEKENDSFines de semana / Cuối tuần

Gentilly to Main Library					
Chef Menteur at Gentilly	University of New Orleans	Elysian Fields at Gentilly	Elysian Fields at Galvez	Rampart at Esplanade	Main Library Hub
—	4:26	4:34	4:39	4:44	4:50
4:55	5:06	5:14	5:19	5:24	5:30
5:27	5:38	5:46	5:51	5:56	6:02
5:56	6:07	6:15	6:20	6:25	6:31
6:27	6:41	6:52	6:59	7:06	7:12
6:49	7:03	7:14	7:21	7:28	7:34
7:17	7:31	7:42	7:49	7:56	8:02
7:45	7:59	8:10	8:17	8:24	8:30
8:13	8:27	8:38	8:45	8:52	8:58
8:41	8:55	9:06	9:13	9:20	9:26
9:09	9:23	9:33	9:39	9:45	9:52
9:37	9:51	10:01	10:07	10:13	10:20
10:07	10:21	10:31	10:37	10:43	10:50
10:39	10:53	11:03	11:09	11:15	11:22
11:09	11:23	11:33	11:39	11:45	11:52
11:39	11:53	12:03	12:09	12:15	12:22
12:09	12:23	12:33	12:39	12:45	12:52
12:39	12:53	1:03	1:09	1:15	1:22
1:09	1:23	1:33	1:39	1:45	1:52
1:39	1:53	2:03	2:09	2:15	2:22
2:09	2:23	2:33	2:39	2:45	2:52
2:39	2:53	3:03	3:09	3:15	3:22
3:09	3:24	3:34	3:40	3:46	3:53
3:39	3:54	4:04	4:10	4:16	4:23
4:09	4:24	4:34	4:40	4:46	4:53
4:39	4:54	5:04	5:10	5:16	5:23
5:09	5:24	5:34	5:40	5:46	5:53
5:39	5:54	6:04	6:10	6:16	6:23
6:10	6:22	6:31	6:36	6:41	6:47
6:35	6:47	6:56	7:01	7:06	7:12
7:03	7:15	7:24	7:29	7:34	7:40
7:31	7:43	7:52	7:57	8:02	8:08
7:59	8:11	8:20	8:25	8:30	8:36
8:27	8:39	8:48	8:53	8:58	9:04
8:55	9:07	9:16	9:21	9:26	9:32
9:35	9:46	9:54	9:59	10:04	10:10
—	10:16	10:24	10:29	10:34	10:40
—	11:16	11:24	11:29	11:34	11:40
—	12:16	12:24	12:29	12:34	12:40
—	1:16	1:24	1:29	1:34	1:40
—	2:16	2:24	2:29	2:34	2:40
—	3:16	3:24	3:29	3:34	3:40

Main Library to Gentilly					
Main Library Hub	Rampart at Esplanade	Elysian Fields at N. Miro	Elysian Fields at Gentilly	University of New Orleans	Chef Menteur at Gentilly
3:45	3:54	4:00	4:07	4:16	—
5:05	5:13	5:19	5:27	5:37	5:48
5:33	5:41	5:47	5:55	6:05	6:16
6:07	6:16	6:23	6:32	6:42	6:57
6:43	6:52	6:59	7:08	7:18	7:33
7:17	7:26	7:33	7:42	7:52	8:07
7:39	7:48	7:55	8:04	8:14	8:29
8:07	8:16	8:23	8:32	8:42	8:57
8:35	8:44	8:51	9:00	9:10	9:25
9:03	9:14	9:22	9:31	9:41	9:56
9:29	9:40	9:48	9:57	10:07	10:22
9:57	10:08	10:16	10:25	10:35	10:50
10:25	10:36	10:44	10:53	11:03	11:18
10:55	11:06	11:14	11:23	11:33	11:48
11:27	11:38	11:46	11:55	12:05	12:20
11:57	12:08	12:16	12:25	12:35	12:50
12:27	12:38	12:46	12:55	1:05	1:20
12:57	1:08	1:16	1:25	1:35	1:50
1:27	1:38	1:46	1:55	2:05	2:20
1:57	2:08	2:16	2:25	2:35	2:50
2:27	2:38	2:46	2:55	3:05	3:20
2:57	3:08	3:16	3:25	3:35	3:50
3:27	3:39	3:48	3:58	4:08	4:25
3:58	4:10	4:19	4:29	4:39	4:56
4:28	4:40	4:49	4:59	5:09	5:26
4:58	5:10	5:19	5:29	5:39	5:56
5:28	5:40	5:49	5:59	6:09	6:26
5:57	6:09	6:18	6:28	6:38	6:55
6:25	6:37	6:44	6:52	7:02	7:16
6:52	7:04	7:11	7:19	7:29	7:43
7:17	7:29	7:36	7:44	7:54	8:08
7:55	8:07	8:14	8:22	8:32	8:46
8:42	8:54	9:01	9:09	9:19	9:33
9:07	9:18	9:25	9:32	9:42	9:54
9:45	9:54	10:00	10:07	10:16	—
10:45	10:54	11:00	11:07	11:16	—
11:45	11:54	12:00	12:07	12:16	—
12:45	12:54	1:00	1:07	1:16	—
1:45	1:54	2:00	2:07	2:16	—
2:45	2:54	3:00	3:07	3:16	—

Bold: PM Time